

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HS-PT
Ngày 15 tháng 8 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Quách Tố Giang.

Các Thẩm phán: ông Khuru Để Dành, ông Nguyễn Phước Hưng.

- Thư ký phiên tòa: ông Lâm Quang Trực – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Đinh Văn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 142/2023/TLPT-HS ngày 05/7/2023 đối với bị cáo A, do có kháng cáo của bị cáo A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2023/HS-ST ngày 23/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

A, sinh ngày 01/01/1996, tại huyện E, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp D, xã T, huyện E, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Phật; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; con ông E, sinh năm 1973 và bà L, sinh năm 1974; vợ tên N, sinh năm 1995 và có 02 con: lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo A bị tạm giam từ ngày 19/10/2022 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo A:

+ Ông C – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang; địa chỉ: 8/18 Lý Thường Kiệt, phường Mỹ Bình, TP. X, tỉnh An Giang, có mặt;

+ Luật sư H – Công ty luật An Gia, Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: tổ 17, ấp V, thị trấn N, huyện E, tỉnh An Giang, có mặt.

- Bị hại: ông B, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp D, xã T, huyện E, An Giang,

có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông I, sinh năm 1973, vắng mặt;
2. Ông K, sinh năm 1973, vắng mặt;
3. Bà L, sinh năm 1974, có mặt;
4. Ông G, sinh năm 1998, có mặt.

(Trong vụ án, bị cáo kháng cáo; bị hại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 09/5/2022, ông I tổ chức uống rượu, hát karaoke cùng K, B và A tại nhà của ông thuộc ấp D, xã T, huyện E. Trong lúc hát karaoke bằng điện thoại di động do tín hiệu chập chờn không hát được nên giữa A và Huy xảy ra mâu thuẫn cự cãi nhau, B dùng tay giật điện thoại di động hiệu Vivo Y20 của A đang cầm trên tay ném xuống nền nhà làm điện thoại bị hư hỏng. Tức giận, A dùng tay trái cầm ly thủy tinh đánh từ trái sang phải trúng vào vùng đầu bên phải của B làm ly bị vỡ, B té xuống nền nhà gây ra thương tích thì được mọi người can ngăn. B được gia đình đưa đến Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang cấp cứu, điều trị đến ngày 11/5/2022 xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 420/22/TgT ngày 14/7/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh An Giang, đối với: B, sinh năm 1990 như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định:

- 02 sẹo thái dương phải:

+ Vết 01: kích thước (5,5 x 0,3)cm, hình vòng cung, sẹo lõm - lõm, màu hồng;

+ Vết 02: đứng dọc, kích thước (2 x 0,2)cm, màu hồng, sẹo lõm.

- Sẹo má trái, kích thước (2 x 0,1)cm, hướng hơi xiên, sẹo lõm.

- 03 sẹo vùng cổ trái:

+ Vết 01: kích thước (1,6 x 0,3)cm, màu hồng, sẹo lõm.

+ Vết 02: kích thước (2,5 x 0,3)cm, màu hồng, sẹo lõm.

+ Vết 03: kích thước (2,5 x 0,2)cm, màu hồng, sẹo lõm.

- Sẹo mặt ngoài 1/3 trên cánh tay trái, kích thước (1,7 x 0,2)cm, màu hồng, sẹo lõm.

Kết luận: tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 12%. Cơ chế hình thành thương tích do vật có góc cạnh sắc gây nên.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKSCP-HS ngày 03/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện E đã truy tố bị cáo A về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2023/HS-ST ngày 23/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện E đã quyết định:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo A 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 19/10/2022.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/5/2023, bị cáo A kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 14/8/2023, bị cáo nộp khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại số tiền 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo. Bị hại B xin cho bị cáo hưởng án treo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

Về hình thức: đơn kháng cáo của bị cáo có nội dung, yêu cầu rõ ràng, gửi trong hạn luật định nên đủ cơ sở để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Bị cáo A đã có hành vi dùng ly thủy tinh là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo 02 năm tù là đã tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Giai đoạn phúc thẩm, bị cáo kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho hưởng án treo, đã nộp khắc phục số tiền 5.000.000 đồng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo hưởng án treo; nên có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo từ 03 tháng đến 06 tháng tù; áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo A từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Những người bào chữa cho bị cáo A phát biểu tranh luận:

- Trợ giúp viên pháp lý C trình bày: sự việc xảy ra có phần lỗi của bị hại, bị cáo phản ứng lại nên vi phạm pháp luật. Bị hại với bị cáo là quan hệ dượng cháu, đã nhận thấy hoàn cảnh của bị cáo nên xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo thuộc gia đình

nghèo, cha bị mù, 02 con còn nhỏ, đã tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại 10.000.000 đồng, số tiền còn lại 10.000.000 đồng bị cáo sẽ lao động để kiếm tiền tiếp tục khắc phục, thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát, xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo.

- Luật sư H trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo mức án đầu khung hình phạt là 02 năm tù, nhưng bị cáo có đủ điều kiện để xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo.

Bị cáo không phát biểu tranh luận bổ sung.

Bị hại phát biểu: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con còn nhỏ.

Nói lời sau cùng, bị cáo A xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: phiên tòa sơ thẩm xét xử và tuyên án vào ngày 23/5/2023, ngày 26/5/2023, bị cáo A kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Những người làm chứng vắng mặt, nhưng đã có lời khai rõ ràng trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, vì tức giận do bị hại B đập điện thoại nên bị cáo A cầm ly thủy tinh, là hung khí nguy hiểm, đập vào đầu bị hại Huy gây thương tích cho bị hại B với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 12% (Bản Kết luận Giám định Pháp y về thương tích số số 420/22/TgT ngày 14/7/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh An Giang). Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 02 năm đến 06 năm tù. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh này là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo, tự nguyện nộp thêm tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại là 5.000.000 đồng.

Căn cứ hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét việc bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải phạm tội lần đầu, đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại 5.000.000 đồng, có cha bị mù và hai con còn nhỏ cần phải nuôi dưỡng, chăm sóc; bị cáo có trình

độ học vấn thấp và gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo; bị hại cũng có một phần lỗi do đã vô cớ xâm phạm tài sản của bị cáo và bị hại đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, để áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 02 năm tù. Đây là mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nên không áp dụng khoản 01 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy: bị cáo phạm tội lần đầu, bị xử phạt 02 năm tù, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù thì bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

Xét bị cáo đang bị tạm giam, và không bị tạm giam về một tội phạm khác, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, trả tự do cho bị cáo.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

[4] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2023/HS-ST ngày 23/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357, khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo A.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2023/HS-ST ngày 23/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang

Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo A ngay tại phiên tòa phúc thẩm (ngày 15/8/2023).

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo A 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (15/8/2023).

Giao người được hưởng án treo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện E, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của người được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Trong trường hợp, người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng mà bị cáo nộp tại Biên lai thu số 0002348 ngày 14/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, để bảo đảm thi hành bồi thường thiệt hại cho bị hại B.

Các phân quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2023/HS-ST ngày 23/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

(đã giải thích quy định về án treo cho bị cáo A)

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện E (2);
- CQĐT – CA huyện E (1);
- Chi cục THADS huyện E (1);
- UBND xã T, huyện E (1);
- Bị cáo (1), bị hại (1);
- Người bào chữa (2);
- Sở Tư pháp (1);
- Phòng Hồ sơ CA An Giang (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- Tòa Hình sự (1);
- Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Tố Giang